

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THAM ĐỊNH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI
DO BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUY HÙNG**

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025)

Kèm theo Thông báo số 17/BC-UBND ngày 09/02/2025 của UBND xã Thụy Hùng

STT	Đơn vị/Tên chủ hộ	Thôn	Tổng hợp thiệt hại		Đơn giá (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
			Số lượng (Con)	Trọng lượng (kg)		
1	Lăng Thị Hòa	Pá Tắp	2	57	38.000	2.166.000
2	Nguyễn Thị Hương	Pá Tắp	1	76	38.000	2.888.000
3	Lộc Văn Thăng	Pá Tắp	2	56	38.000	2.128.000
4	Nông Văn Tăng	Bản Cháu	5	163	38.000	6.194.000
5	Lương Văn Quyển	Bản Cháu	8	196	38.000	7.448.000
6	Lương Văn Quân	Bản Cháu	10	189	38.000	7.182.000
7	Lương Văn Quyển	Bản Cháu	1	103	38.000	3.914.000
8	Nông Văn Chiến	Manh Trên	1	30	38.000	1.140.000
9	Mông Văn Thịnh	Khuổi Chang	1	26	38.000	988.000
10	Lương Trung Hiến	Bản Cháu	1	103	38.000	3.914.000
11	Lăng Văn Cường	Pá Chí	8	215	38.000	8.170.000
12	Lăng Văn Châu	Pá Chí	1	53	38.000	2.014.000
13	Lăng Văn Slâng	Pá Chí	1	49	38.000	1.862.000
14	Hà Ngọc Ánh	Pá Chí	4	102	38.000	3.876.000
15	Trịnh Hải Thượng	Pá Chí	1	191	38.000	7.258.000
16	Trương Văn Tiến	Pá Chí	1	70	38.000	2.660.000
17	Hoàng Đức Vũ	Đâng Van	3	93	38.000	3.534.000

18	Nông Văn Phi	Còn Bó	3	30	38.000	1.140.000
19	Tô Văn Pợ	Pác Cáy	1	90	38.000	3.420.000
20	Hà Văn Khiêm	Pác Cáy	2	80	38.000	3.040.000
21	Bế Văn Báo	Bản Tả	1	40	38.000	1.520.000
22	Hứa Văn Vững	Còn Ngoà	9	320	38.000	12.160.000
23	Hà Thị Phương	Na Hình	3	60	38.000	2.280.000
	TỔNG CỘNG		70	2.392	874.000	90.896.000

(Bằng chữ: Chín mươi triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng.)

DO BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUY HÙNG
(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 7 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 17/BC-UBND ngày 09 của UBND xã Thụy Hùng)

STT	Tên chủ hộ	Địa chỉ (thôn)	Tổng hợp thiệt hại		Đơn giá (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
			Số lượng (Con)	Trọng lượng (kg)		
1	Lương Văn Ưu	Nà Phân	1	160	38.000	6.080.000
2	Ngụy Văn Sơ	Nà Phân	1	90	38.000	3.420.000
3	Trương Văn Cường	Pá Chí	4	267	38.000	10.146.000
4	Lương Văn Quyến	Bản Cháu	2	245	38.000	9.310.000
5	Lương Văn Vinh	Bản Cháu	1	127	38.000	4.826.000
6	Đoạn Văn Núi	Bản Cháu	1	161	38.000	6.118.000
7	Hà Văn Hoà	Bản Cháu	4	76,5	38.000	2.907.000
8	Lương Văn Hoài	Bản Cháu	1	110	38.000	4.180.000
9	Lương Văn Mạnh	Bản Cháu	3	61	38.000	2.318.000
10	Âu Văn Kín	Cúc Lùng	1	92	38.000	3.496.000
11	Phù văn Giáp	Bản Tả	2	95	38.000	3.610.000
12	Phù Văn Pẩm	Bản Tả	2	122	38.000	4.636.000
13	Hà Văn Thiêm	Bản Mới	5	256	38.000	9.728.000
14	Hà Văn Thượng	Bản Mới	3	119	38.000	4.522.000
15	Tô Văn Pợ	Pác Cáy	2	118	38.000	4.484.000
	TỔNG CỘNG		33	2.099,5		79.781.000

(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng.)

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI
DO BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÁU PHI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUY HÙNG**
(Từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 17 ngày 09 /02/2026 của UBND xã Thụy Hùng)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn)	Tổng hợp thiệt hại		Đơn giá (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
			Số lượng (Con)	Trọng lượng (kg)		
1	Nông Văn Bai	Bản Cháu	3	218	40.000	8.720.000
2	Nông Thị Slao	Bản Cháu	1	147	40.000	5.880.000
3	Trương Quang Phong	Bản Cháu	10	319	40.000	12.760.000
4	Nông Thị Nhẹo	Bản Pên	11	140	40.000	5.600.000
5	Lăng Thị Hòa	Pá Tấp	1	42	40.000	1.680.000
6	Nông Văn Hữu	Pò Hà	1	220	40.000	8.800.000
7	Hoàng Văn Trường	Pò Hà	1	65	40.000	2.600.000
8	Luân Văn Nam	Cúc Lùng	3	95	40.000	3.800.000
9	Tô Thị Phụng	Cúc Lùng	4	100	40.000	4.000.000
10	Mông Thị Tiến	Cúc Lùng	1	55	40.000	2.200.000
11	Luân Văn Cun	Cúc Lùng	1	49	40.000	1.960.000
12	Luân Văn Trường	Cúc Lùng	1	82	40.000	3.280.000
13	Luân Minh Tiến	Cúc Lùng	3	47	40.000	1.880.000
14	Lộc Thế Hiếu	Cúc Lùng	3	182	40.000	7.280.000
15	Phù Văn Vân	Bản Tả	1	45	40.000	1.800.000
16	Phù Thị Duyên	Bản Tả	1	86	40.000	3.440.000
17	Lý Văn Lân	Bản Tả	2	108	40.000	4.320.000
18	Phù Văn Trường	Bản Tả	2	196	40.000	7.840.000
19	Phù Văn Phẻng	Bản Tả	2	196	40.000	7.840.000
20	Lý Văn Thường	Bản Tả	2	28	40.000	1.120.000
21	Lý Văn Nam	Bản Tả	2	31	40.000	1.240.000
22	Bế Văn Táo	Bản Tả	4	160	40.000	6.400.000
23	Bế Văn Công	Bản Tả	2	63	40.000	2.520.000
24	Bế Văn Phong	Bản Tả	1	34	40.000	1.360.000

25	Phù Văn Hồng	Bản Tả	1	25	40.000	1.000.000
26	Đình Văn Tốt	Bản Mới	2	97	40.000	3.880.000
27	Hoàng Văn Đô	Bản Mới	2	165	40.000	6.600.000
28	Tô Văn Pợ	Pác Cáy	7	404	40.000	16.160.000
29	Lý Thị Sớm	Pác Cáy	3	161,5	40.000	6.460.000
30	Nông Thị Yên	Pác Cáy	1	71	40.000	2.840.000
31	Hà Văn Khiêm	Pác Cáy	1	85	40.000	3.400.000
32	Tô Văn Kinh	Pác Cáy	3	121	40.000	4.840.000
33	Hà Văn Kén	Pác Cáy	1	69	40.000	2.760.000
34	Hứa Văn Táo	Pác Cáy	1	4,2	40.000	168.000
35	Hoàng Văn Phước	Pác Cáy	6	225	40.000	9.000.000
36	Hà Minh Đại	Pác Cáy	1	20	40.000	800.000
37	Hứa Văn Quân	Còn Ngoà	2	71	40.000	2.840.000
38	Nông Văn Ật	Còn Ngoà	1	40	40.000	1.600.000
39	Phùng Văn Cường	Nà Liên	4	122	40.000	4.880.000
40	Hoàng Văn Tuấn	Bản Cáu	2	128	40.000	5.120.000
41	Nông Văn Toàn	Còn Bó	1	28	40.000	1.120.000
42	Bế Văn Hội	Còn Bó	2	49	40.000	1.960.000
	Tổng		104	4.593,7		183.748.000
	<i>(Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)</i>					